TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ- ST
Ngày 30- 12- 2025
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thắng.

2. Bà Nguyễn Thị Phú.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Hương Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025, về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nhung, sinh năm 1981. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quang Chung, sinh năm 1978. Xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Xuân Hội, xã Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nhung trình bày: Chị và anh Nguyễn Quang Chung kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Chi, huyện Tiên Du (nay là UBND xã Tân Chi), tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian đầu hoà thuận, tuy nhiên về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Hai bên đã nhiều cố gắng hàn gắn nhưng không đạt kết quả hiện nay đã sống ly thân trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Chung theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh năm 2000 và Nguyễn Quang Nguyên, sinh năm 2004. Nay cả hai con đã trưởng thành. Nếu vợ chồng phải ly hôn chị không yêu cầu giải quyết.

Tài sản, công nợ, trích chia công sức: Không có vướng mắc gì. Sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quang Chung trình bày: Anh Chung kết hôn với chị Nguyễn Thị Nhung ngày 15/11/1999, trước khi cưới có tìm hiểu thoả thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận và 02 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Nhung có quan hệ trai gái bất chính với người đàn ông khác mặc dù anh không bắt được quả tang nhưng nhiều người biết và nói chuyện cho anh nghe. Từ đó vợ chồng sống với nhau rất lạnh nhạt, khi anh ở nhà thì chị Nhung đi, khi anh đi thì chị Nhung lại về vì vậy vợ chồng rất ít gặp nhau. Khi phát hiện chị Nhung ngoại tình đã nhiều lần anh khuyên bảo nhưng chị Nhung không nghe và còn bảo anh làm đơn xin ly hôn để chị Nhung ký. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng không đánh cãi chửi nhau và chị Nhung đã bỏ nhà đi từ tháng 7/2025 đến nay không quay về chung sống cùng anh nữa. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình có khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vợ chồng chấm dứt quan hệ từ tháng 02/2025 cho đến nay và không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Nhung xin ly hôn anh không nhất trí. Nếu chị Nhung kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh năm 2000 và Nguyễn Quang Nguyên, sinh năm 2004. Nay cả hai con đã trưởng thành. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh không yêu cầu giải quyết.

Tài sản, công nợ: Không có vướng mắc gì. Sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nhung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Chung. Về con chung, tài sản, công nợ chị không yêu cầu giải quyết. Anh Chung vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án đề ghị HĐXX: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Nhung được ly hôn anh Nguyễn Quang Chung.

Về con chung: không xem xét giải quyết.

Về tài sản, trích chia công sức, công nợ: không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nhung phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Quang Chung là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại thôn Xuân Hội, xã Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Quang Chung vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh Chung theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Nhung và anh Nguyễn Quang Chung kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15/11/1999 tại UBND xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND xã Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh) được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Nhung và anh Chung đã có thời gian chung sống hạnh phúc, nay có 02 con chung. Theo chị Nhung trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Hai bên đã nhiều cố gắng hàn gắn nhưng không đạt kết quả, hiện nay đã sống ly thân trong thời gian dài. Theo anh Chung trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Nhung có quan hệ trai gái bất chính với người đàn ông khác mặc dù anh không bắt được quả tang nhưng nhiều người biết và nói chuyện cho anh nghe. Từ đó vợ chồng sống với nhau rất lạnh nhạt, khi anh ở nhà thì chị Nhung đi, khi anh đi thì chị Nhung lại về, vì vậy vợ chồng rất ít gặp nhau. Khi phát hiện chị Nhung ngoại tình anh đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị Nhung không nghe và còn bảo anh làm đơn xin ly hôn để chị Nhung ký và chị Nhung đã bỏ nhà đi từ tháng 7/2025 đến nay không quay về chung sống cùng anh nữa. Vợ chồng chấm dứt quan hệ từ tháng 02/2025 cho đến nay và không ai quan tâm đến ai, chị Nhung xin ly hôn anh không nhất trí. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị Nhung và anh Chung về đoàn tụ chung sống nhưng chị Nhung không có nguyện vọng đoàn tụ và kiên quyết xin ly hôn; anh Chung không nhất trí ly hôn nhưng cũng không đưa ra được biện pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. HĐXX xét thấy chị Nhung và anh Chung sống ly thân nhau đã lâu, không ai quan tâm đến ai, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nhung giải quyết cho chị Nhung được ly hôn anh Chung theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh năm 2000 và Nguyễn Quang Nguyên, sinh năm 2004. Xét thấy hai con chung của vợ chồng đã trưởng thành, chị Nhung và anh Chung không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, trích chia công sức, công nợ: Chị Nhung và anh Chung không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nhung phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện VKS ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 267, Điều 268, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nhung. Xử cho chị Nguyễn Thị Nhung được ly hôn anh Nguyễn Quang Chung.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nhung phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001542 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. (Xác nhận chị Nhung đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND tỉnh Bắc Ninh
-VKSND KV 8- Bắc Ninh;
-THADS tỉnh Bắc Ninh;
-UBND xã Tân Chi;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Hợp